

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 50

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 48 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Vũ Bảo Quốc	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	
Ông Adrian Teng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Chiew Sin Cheok	Thành viên	từ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc	
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tài	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61005161/18592278-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 50 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2013-004-1



Lương Kim Diên An
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2736-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		34.768.113.901	20.809.767.129
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	989.892.637	685.888.556
111	1. Tiền		987.892.637	685.888.556
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		496.042.631	454.062.758
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	300.322.358	300.322.358
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	195.720.273	153.740.400
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.908.118.212	6.022.668.283
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	2.231.994.490	1.664.310.530
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	3.123.482.462	1.265.441.146
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	9.144.848	10.779.848
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	561.561.021	3.095.523.862
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 9	(20.170.535)	(15.958.589)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		2.105.926	2.571.486
140	IV. Hàng tồn kho	11	26.463.181.213	13.040.643.606
141	1. Hàng tồn kho		26.969.467.719	13.080.748.940
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(506.286.506)	(40.105.334)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		910.879.208	606.503.926
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	19	230.228.138	128.357.963
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	23	643.038.556	478.117.148
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	23	37.612.514	28.815
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		19.180.866.115	10.000.332.726
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		124.210.364	144.338.070
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	12	16.497.949	17.836.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	10	107.887.415	126.502.070
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(175.000)	-
220	II. Tài sản cố định		8.156.397.042	6.382.356.974
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	4.164.513.802	3.572.858.457
222	Nguyên giá		6.851.174.419	5.716.356.916
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.686.660.617)	(2.143.498.459)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	3.991.883.240	2.809.498.517
228	Nguyên giá		4.097.746.427	2.881.230.261
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(105.863.187)	(71.731.744)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	367.892.601	-
231	1. Nguyên giá		370.361.679	-
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(2.469.078)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.468.255.761	600.020.273
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17	4.468.255.761	600.020.273
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		27.159.479	2.056.883.251
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	6.639.479	2.022.683.382
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	62.500.369	62.500.369
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	18.2	(41.980.369)	(28.300.500)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.036.950.868	816.734.158
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	19	506.654.232	573.947.834
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.3	26.533.271	42.302.052
269	3. Lợi thế thương mại	20	5.503.763.365	200.484.272
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		53.948.980.016	30.810.099.855

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016


Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		30.673.423.999	16.200.667.264
310	I. Nợ ngắn hạn		27.140.392.261	15.805.596.101
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	21	7.197.978.712	3.555.722.225
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22	3.966.259.498	423.965.661
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23	1.248.150.050	637.099.912
314	4. Phải trả người lao động		21.288.280	992.037
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	24	632.420.100	338.006.363
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.185.764	2.477.795
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	25	189.159.696	54.578.588
320	8. Vay ngắn hạn	26	13.794.837.965	10.691.512.845
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	27	85.489.362	99.946.174
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.622.834	1.294.501
330	II. Nợ dài hạn		3.533.031.738	395.071.163
331	1. Phải trả người bán dài hạn		40.718	137.937
337	2. Phải trả dài hạn khác	25	10.347.625	5.612.000
338	3. Vay dài hạn	26	3.125.880.082	372.322.169
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35.3	378.868.208	-
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		17.895.105	16.999.057
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		23.275.556.017	14.609.432.591
410	I. Vốn chủ sở hữu		23.275.556.017	14.609.432.591
411	1. Vốn cổ phần	28.1	4.145.000.000	3.845.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.145.000.000	3.845.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	28.1	2.998.618.837	1.948.618.837
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	28.1	5.212.200	3.315.000
415	4. Cổ phiếu quỹ	28.1	(6.840.000)	(6.840.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	28.1	(1.534.881)	(3.116.081)
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	28.1	15.393.263.002	8.741.745.802
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.494.280.252	1.703.858.575
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		7.898.982.750	7.037.887.227
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		741.836.859	80.709.033
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		53.948.980.016	30.810.099.855


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng




Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	59.241.099.024	41.532.071.489
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29.1	(77.861.312)	(37.805.331)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	59.163.237.712	41.494.266.158
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	30, 34	(47.805.415.012)	(31.345.763.746)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.357.822.700	10.148.502.412
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29.2	1.565.737.819	235.953.051
22	7. Chi phí tài chính	32	(1.104.926.653)	(807.751.168)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	32	(509.258.105)	(244.238.465)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết		(16.624.853)	(13.504.246)
25	9. Chi phí bán hàng	31, 34	(1.800.168.661)	(1.455.324.531)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31, 34	(1.508.242.094)	(764.909.307)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.493.598.258	7.342.966.211
31	12. Thu nhập khác	33	194.666.612	102.037.634
32	13. Chi phí khác	33	(157.528.159)	(52.447.384)
40	14. Lợi nhuận khác	33	37.138.453	49.590.250
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.530.736.711	7.392.556.461
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.2	(549.068.587)	(298.775.084)
52	17. Lợi ích (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	35.3	11.003.491	(17.204.777)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		7.992.671.615	7.076.576.600
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		7.898.982.750	7.037.887.227
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		93.688.865	38.689.373
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	28.5	19.372	18.758
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	28.5	19.372	18.758

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		8.530.736.711	7.392.556.461
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		1.242.149.660	605.610.294
03	Các khoản dự phòng		469.791.175	45.736.205
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		170.391.961	236.975.643
05a	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		(720.834.019)	(31.406.156)
06	Chi phí lãi vay	32	509.258.105	244.238.465
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.201.493.593	8.493.710.912
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		3.079.300.623	(2.432.283.248)
10	Tăng hàng tồn kho		(2.805.740.292)	(6.635.997.031)
11	Tăng các khoản phải trả		3.720.235.556	240.970.287
12	Giảm chi phí trả trước		27.669.638	6.275.266
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		-	(300.322.358)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.308.798.818)	(235.325.195)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	35.2	(458.793.068)	(221.823.172)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.924.352)	(775.267)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		12.452.442.880	(1.085.569.806)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(4.707.578.190)	(2.928.965.096)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		115.451.163	10.615.920
23	Tiền chi tiền gửi ngân hàng và cho các đơn vị khác vay		(41.979.873)	(130.635.611)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		2.973.051	5.635.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(9.025.794.502)	(2.655.347)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	93.689.278
27	Lãi tiền gửi và cho vay nhận được		17.693.744	9.027.387
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(13.639.234.607)	(2.943.288.469)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		1.357.424.200	1.024.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		47.170.640.028	32.874.759.063
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(45.779.255.160)	(27.750.156.177)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(1.244.882.217)	(1.924.859.615)
37	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(13.148.330)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.490.778.521	4.223.743.271
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		303.986.794	194.884.996
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		685.888.556	491.483.328
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		17.287	(479.768)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	989.892.637	685.888.556


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2017